

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50** /2021/DS-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trình

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vũ- Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 05/4/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP TT**

Địa chỉ: *Số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.*

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V, sinh năm 1975; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP TT- Chi nhánh SH(Giấy ủy quyền số 545/2020/GUQ-CNSH ngày 29/12/2020)

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ph**, sinh năm 1980.

Trú tại: 428/01/05 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

(Ông V có mặt, bà Ph vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần TT (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng TT), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2019, bà Lê Thị Ph có ký với Ngân hàng TMCP TT- Chi nhánh SH(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Ph, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Ph đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 39.590.849 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Ph đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 22.700.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Ph vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Ph vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng tính lãi của thẻ tín dụng theo điều 22 của bản điều khoản điều kiện. Ngân hàng tính lãi suất là 2,6 %/tháng và lãi suất quá hạn là 150%/tháng, như vậy lãi suất như sau: $2,6 \% \times 150\% = 3,9 \%$ /tháng quá hạn. Cụ thể: Từ ngày 23/06/2020 Ngân hàng tính lãi $3,9 \%$ / tháng $\times 21,212,336$ (tiền gốc), cho đến khi trả hết tiền nợ gốc. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Ph, yêu cầu bà Ph có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Ph trả nợ, tuy nhiên bà Ph vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà Lê Thị Ph phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2021 là 29.788,472 đồng(Hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi hai đồng), trong đó:

Dư nợ : 21,212,336 đồng;

Lãi quá hạn : 8,576, 136 đồng.

2. Buộc bà Lê Thị Ph có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2020 thì nguyên đơn Ngân hàng TT yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Ph trả số tiền nợ vay theo

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/11/2019 với mục đích vay là vay tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại số 428/01/05 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TT và bà Lê Thị Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn bà Lê Thị Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền dư nợ và nợ lãi:

[2.1] Ngày 28/11/2019, giữa bà Ph và Ngân hàng TT có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng để vay số tiền 20.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là có cơ sở để xác định bà Ph có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TT.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc bà Ph thanh toán cho Ngân hàng TT tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2021 là: 29.788,472 đồng, trong đó: Dư nợ: 21,212,336 đồng, lãi quá hạn: 8,576, 136 đồng và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 30/4/2021 cho đến khi thanh toán xong Hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn bà Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/11/2019 đã ký kết với Ngân hàng TT. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT đối với bà Ph là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 29.788,472 \text{ đồng} = 1.489.500 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần TT về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Lê Thị Ph.

2. Buộc bà Lê Thị Ph phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2021 là 29.788,472 đồng, trong đó: Dư nợ : 21,212,336 đồng, lãi quá hạn: 8,576, 136 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.489.500 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TT số tiền tạm ứng án phí 557.195 đồng (Năm trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 01371 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thọ